

Vĩnh Sơn 5	Mức nước (H, m)					153.90	154.20	154.65	154.85	154.90
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					14.83	13.84	12.65	11.42	10.25
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					14.83	9.84	8.65	10.42	10.25
Trà Xom 1	Mức nước (H, m)	653.94	653.94	653.94	653.94	653.90	653.90	653.90	653.90	653.90
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	1.98	1.50	1.79	0.39	0.31	0.28	0.27	0.27	0.28
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Định Bình	Mức nước (H, m)				75.59	75.60	75.61	75.60	75.59	75.58
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				25.00	23.53	17.63	15.67	16.44	15.31
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					18.50	18.50	18.50	18.50	18.50
Núi Một	Mức nước (H, m)				38.24	38.20	38.20	38.20	38.20	38.20
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.40	0.39	0.36	0.36	0.36	0.36
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Thuận Ninh	Mức nước (H, m)				61.67	61.65	61.65	61.65	61.65	61.65
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.51	0.16	0.12	0.13	0.13	0.13
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.20	0.20	0.20	0.20	0.20	0.20
Văn Phong	Mức nước (H, m)				24.80	24.75	24.75	24.75	24.75	24.75
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				22.16	26.01	25.97	27.09	27.06	27.10
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				22.16	25.50	25.50	25.50	25.50	25.50

II - Hiện trạng công trình

1) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 766.98 m
- Lưu lượng đến hồ: 1.15 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

2) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn B tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 815.75 m
- Lưu lượng đến hồ: 1.00 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

3) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn C tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	971.76	m
- Lưu lượng đến hồ:	2.97	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

4) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 4 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:		m
- Lưu lượng đến hồ:		m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

5) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:		m
- Lưu lượng đến hồ:		m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

6) Hồ chứa thủy điện Trà Xom 1 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	653.94	m
- Lưu lượng đến hồ:	0.39	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

7) Hồ chứa thủy điện Định Bình tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	75.59	m
- Lưu lượng đến hồ:	25.00	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

8) Hồ chứa thủy điện Núi Một tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	38.24	m
- Lưu lượng đến hồ:	0.40	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

9) Hồ chứa thủy điện Thuận Ninh tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	61.67	m
- Lưu lượng đến hồ:	0.51	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

10) Hồ chứa thủy điện Văn Phong tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	24.80	m
- Lưu lượng đến hồ:	22.16	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa